TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2026/HN-ST

Ngày: 10-4-2026

"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thuý Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Hữu

2. Ông Nguyễn Thanh Hùng

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 355/2025/TLST - HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2025, về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2026/QĐST – HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đỗ Thị D, sinh năm 1985; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn M, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

Chị D, anh M vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 12/12/2025 và trong quá trình tố tụng, chị Đỗ Thị D trình bày*:

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Nguyễn Văn M. Lý do: Chị và anh M tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã K, huyện M, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 16/01/2008. Quá trình chung sống lúc đầu có hạnh phúc và sinh được 03 con chung. Đến tháng 01/2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh M có mối quan hệ tình cảm với người khác, còn ghen tuông vô cớ, nhiều lần hăm doạ đòi giết chị. Chị về bên cha mẹ ruột sống từ tháng 02/2024 cho đến nay. Nay mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn tình cảm nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 10/02/2006; Nguyễn Thị Hạnh N, sinh ngày 25/3/2011; Nguyễn Thị Phương Y, sinh ngày 12/5/2015. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi Nguyễn Thị Hạnh N và Nguyễn Thị Phương Y, không yêu cầu anh Nguyễn Văn M cấp dưỡng nuôi con. Riêng Nguyễn Thị Thùy T đã trưởng thành.

3. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Không còn yêu cầu nào khác.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn M vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, không có lời trình bày.*

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long phát biểu cho rằng:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn vắng mặt lần thứ 02 không có đơn xin vắng, vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, điểm a Điều 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 56, 56, 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị D. Chị Đỗ Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn M; Con chung: Chị Đỗ Thị D được trực tiếp nuôi 02 con là Nguyễn Thị Hạnh N, sinh ngày 25/3/2011; Nguyễn Thị Phương Y, sinh ngày 12/5/2015. Ghi nhận chị Đỗ Thị D không yêu cầu anh Nguyễn Văn M cấp dưỡng nuôi 02 con. Đối với Nguyễn Thị Thùy T đã trưởng thành, không yêu cầu nên không xem xét. Tài sản chung và nợ chung: Chị Đỗ Thị D trình bày không có, không giải quyết. Chị Đỗ Thị D chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Đỗ Thị D, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung"*. Trong đó xác định chị Đỗ Thị D là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn M là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Xét việc vắng mặt của chị Đỗ Thị D có đơn xin vắng mặt, anh Nguyễn Văn M vắng mặt lần thứ 02, không có đơn xin vắng, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị D, thấy rằng:

Hôn nhân giữa chị D và anh M là tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian dài, có 03 con chung. Theo chị D trình bày đến tháng 01/2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị D bắt nguồn từ việc không tin tưởng về sự chung thuỷ của nhau, điều này dẫn đến vợ chồng không còn sống chung từ năm 2024 cho đến nay nhưng không tìm được hướng giải quyết mâu thuẫn. Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh M là có thật. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án cũng đã tạo điều kiện để cho vợ chồng hòa giải tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng anh M không đến, điều đó chứng minh anh M không có ý muốn hoà giải đoàn tụ với chị D. Nay chị D vẫn giữ quan điểm xin ly hôn. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2. Về con chung: Đối với Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 10/02/2006, đã trưởng thành, không yêu cầu, không xem xét.

Đối với Nguyễn Thị Hạnh N, sinh ngày 25/3/2011 và Nguyễn Thị Phương Y, sinh ngày 12/5/2015. Khi ly hôn, chị D trình bày trực tiếp nuôi và không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, khi được hỏi ý kiến thì 02 con đều có nguyện vọng sống chung với mẹ. Khi thực hiện xác minh mâu thuẫn vợ chồng thì ông Đỗ Văn C là cha của chị H cũng đồng ý việc chị D cùng 02 con sống cùng với gia đình ông. Thấy rằng các con đều là con gái, đang độ tuổi phát triển về tâm sinh lý, cần có mẹ hỗ trợ và chăm sóc, giáo dục hơn. Do đó, để đảm bảo về quyền lợi mọi mặt của con, cần để chị D trực tiếp nuôi 02 con chung là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, chị D không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị D trình bày không có và không yêu cầu, anh M vắng mặt nên không có lời trình bày, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị D trình bày không có, anh M vắng mặt, không có lời trình bày, không ai yêu cầu, không giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, chị D chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 68, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị D.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Đỗ Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn M.

2. Về con chung:

Đối với Nguyễn Thị Hạnh N, sinh ngày 25/3/2011 và Nguyễn Thị Phương Y, sinh ngày 12/5/2015. Khi ly hôn, chị Đỗ Thị D được trực tiếp nuôi 02 con. Ghi nhận chị Đỗ Thị D không yêu cầu anh Nguyễn Văn M cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với Nguyễn Thị Thùy T, sinh ngày 10/02/2006, đã trưởng thành, không yêu cầu, không xem xét.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Đỗ Thị D trình bày không có, anh Nguyễn Văn M vắng mặt không lời trình bày, không yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Đỗ Thị D trình bày không có, anh Nguyễn Văn M vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch (Đối với yêu cầu ly hôn): 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chị Đỗ Thị D phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012709 ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;*
- *THADS tỉnh Vĩnh Long;*
- *Cơ quan thực hiện ĐKKH;*
- *Đương sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thuý Hằng